

**PHỤ LỤC SỐ 05**

**APPENDIX 05**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**Công ty CP**  
**Tập đoàn Vinacontrol**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom - Happiness**  
-----

Số: 21/HĐQT - QTCT  
No. 21/HĐQT - QTCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Hanoi. 20 Jan 2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY**  
(Năm 2019)  
(Year 2019)

Kính gửi:       - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
                      - Sở Giao dịch Chứng khoán  
To:                - The State Securities Commission  
                      - The Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 54 Trần Nhân Tông, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại/ Telephone: 024-3943-3840; Fax: 024-3943-3844; Email: [vinacontrol@vinacontrol.com.vn](mailto:vinacontrol@vinacontrol.com.vn)
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 104.999.550.000 đồng
- Mã chứng khoán/ Securities code: VNC

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/  
*Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):*

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 091/ĐHĐCĐ-NQ                                         | 11/04/2019   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2018</li> <li>- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS</li> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính và tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2018</li> <li>- Phương hướng phát triển kinh doanh năm 2019</li> <li>- Thông qua mức thù lao của HĐQT và BKS</li> <li>- Giao cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2019</li> </ul> |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2019)/ Board of Management (annual report)

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Management:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>BOM's member | Chức vụ/ Position | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day becoming/no longer member of the Board of Management | Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance | Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage | Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence |
|------------|----------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------|
| 1          | Ông Bùi Duy Chính                | Chủ tịch HĐQT     | 09/04/2018                                                                                          | 4                                              | 100%                          |                                              |
| 2          | Ông Mai Tiến Dũng                | Ủy viên HĐQT      | 09/04/2018                                                                                          | 4                                              | 100%                          |                                              |
| 3          | Ông Phan Văn Hùng                | Ủy viên HĐQT      | 09/04/2018                                                                                          | 4                                              | 100%                          |                                              |
| 4          | Bà Nguyễn Thanh Hương            | Ủy viên HĐQT      | 09/04/2018                                                                                          | 4                                              | 100%                          |                                              |
| 5          | Bà Dương Thanh Huyền             | Ủy viên HĐQT      | 09/04/2018                                                                                          | 4                                              | 100%                          |                                              |

### 2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ Supervision by the BOD over the Director (General Director):

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, Chủ tịch HĐQT, hai ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong Ban Tổng giám đốc (Ông Mai Tiến Dũng, ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Ông Phan Văn Hùng, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc) và 2 ủy viên không điều hành, trong đó có 1 ủy viên là đại diện của SCIC (cổ đông lớn của Công ty) đã giúp cho việc thống nhất và chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành đạt hiệu quả cao.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp 04 phiên họp thường kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động của toàn Công ty, đưa ra ý kiến chỉ đạo trực tiếp, giám sát và định hướng đối với công tác quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

### 3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ Activities of the Board of Directors' committees:

Không có Tiểu ban thuộc HĐQT.

Hội đồng quản trị cử Người phụ trách quản trị Công ty (có 02 Trợ lý giúp việc) để hỗ trợ HĐQT các công việc theo quy định trong Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm 2019)/  
*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual report):*

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/Decision<br/>No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                       |
|------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 40/NQ-HĐQT                                                         | 18/02/2019          | Kết quả cuộc họp thường kỳ ngày 15/02/2019                                       |
| 2          | 41/ QĐ-HĐQT                                                        | 19/02/2019          | Giao kế hoạch kinh doanh năm 2019                                                |
| 3          | 85/NQ-HĐQT                                                         | 29/03/2019          | Thông qua nội dung chương trình ĐHCĐ 2019 và các nội<br>dung trình ĐHCĐ 2019     |
| 4          | 91/ĐHCĐ-NQ                                                         | 11/04/2019          | Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019                                            |
| 5          | 94/QĐ-HĐQT                                                         | 17/04/2019          | Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2018                                                    |
| 6          | 111/NQ-HĐQT                                                        | 23/05/2019          | Kết quả cuộc họp thường kỳ ngày 21/05/2019                                       |
| 7          | 173/NQ-HĐQT                                                        | 21/08/2019          | Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019                                                    |
| 8          | 202/NQ-HĐQT                                                        | 19/11/2019          | Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 10 tháng đầu năm<br>và một số nội dung khác |

III. Ban kiểm soát (Năm 2019)/ *Supervisory Board (Semi-annual/annual report)*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Supervisory  
Board:*

| Stt<br>No. | Thành viên BKS Members<br>of Supervisory Board | Chức vụ<br><i>Position</i> | Ngày bắt<br>đầu/không còn<br>là thành viên<br>BKS<br><i>Day<br/>becoming/no<br/>longer member<br/>of the<br/>Supervisory<br/>Board</i> | Số buổi<br>họp BKS<br>tham dự<br><i>Number<br/>of<br/>attendan<br/>ce</i> | Tỷ lệ<br>tham dự<br>họp<br><i>Percenta<br/>ge</i> | Lý do<br>không<br>tham dự<br>họp<br><i>Reasons<br/>for<br/>absence</i> |
|------------|------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân                        | Trưởng BKS                 | 09/04/2018                                                                                                                             | 4                                                                         | 100%                                              |                                                                        |
| 2          | Ông Nguyễn Quốc Minh                           | TV BKS                     | 09/04/2018                                                                                                                             | 4                                                                         | 100%                                              |                                                                        |
| 3          | Ông Nguyễn Trung Hiếu                          | TV BKS                     | 09/04/2018                                                                                                                             | 4                                                                         | 100%                                              |                                                                        |

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/  
*Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of  
Directors and shareholders:*

- Tham dự 04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị; ghi nhận tình hình hoạt động của các đơn vị và tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động kinh doanh, quản trị và đầu tư phát

triển Công ty; giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã ban hành.

- Theo dõi việc thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2018 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

- Một trong ba thành viên BKS đang giữ các chức vụ quản lý tại đơn vị thành viên, tham gia vào hoạt động kinh doanh của đơn vị nên có điều kiện trao đổi thường xuyên, góp ý trực tiếp với lãnh đạo đơn vị về hoạt động kinh doanh, điều hành.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any):*

**IV. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training on corporate governance***

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

- Thực hiện các thông tư, công văn mới: Công văn 2463/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 11/05/2016.

**V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo năm 2019) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (annual report) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)***

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company:*

(Xin xem file gửi kèm)

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Addresses</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do <i>Reasons</i> |
|---------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|---------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

*Ghi chú/Note: Số Giấy NSH\*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person. – N/A*

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ<br>chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization<br/>/ individual</i> | Mối quan<br>hệ liên quan<br>với công ty<br><i>Relationshi<br/>p</i> | Số<br>Giấy<br>NSH*<br>, ngày<br>cấp,<br>nơi<br>cấp<br><i>NSH<br/>No. *,<br/>date<br/>of<br/>issue,<br/>place<br/>of<br/>issue</i> | Địa chỉ<br>trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ<br>liên hệ<br><i>Addres<br/>s</i> | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công ty<br><i>Time of<br/>transaction<br/>s</i> | Số Nghị<br>quyết/<br>Quyết<br>định của<br>ĐHĐCĐ/<br>HĐQT...<br>thông qua<br>(nếu có,<br>nêu rõ<br>ngày ban<br>hành)<br><i>Number of<br/>resolution<br/>s /<br/>decisions<br/>of the<br/>AGM /<br/>BOM<br/>adopted (if<br/>any,<br/>specify<br/>date of<br/>issue)</i> | Số lượng,<br>tỷ lệ nắm<br>giữ cổ<br>phiếu sau<br>khi giao<br>dịch<br><i>Number,<br/>ownership<br/>proportion<br/>of<br/>shares/fun<br/>d<br/>certificates<br/>hold after<br/>the<br/>transaction</i> | Ghi<br>chú<br><i>Not<br/>e</i> |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|                |                                                                            |                                                                     |                                                                                                                                   |                                                                          |                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                      |                                |

*Ghi chú/Note: Số Giấy NSH\*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH\*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power - N/A*



| St<br>t<br>N<br>o. | Người<br>thực<br>hiện<br>giao<br>dịch<br><i>Transaction<br/>executor</i> | Quan hệ<br>với<br>người<br>nội bộ<br><i>Relationship with<br/>internal<br/>person</i> | Chức<br>vụ tại<br>CTN<br>Y<br><i>Position at<br/>listed<br/>company</i> | Số<br>CMND/H<br>ộ chiếu,<br>ngày cấp,<br>nơi cấp<br>ID<br><i>card/Pass<br/>port No. ,<br/>date of<br/>issue,<br/>place of<br/>issue</i> | Địa<br>chỉ<br><i>Address</i> | Tên công<br>ty con,<br>công ty<br>do<br>CTNY<br>nắm<br>quyền<br>kiểm<br>soát<br><i>Name of<br/>subsidiar<br/>ies, the<br/>company<br/>which<br/>listed<br/>company<br/>control</i> | Thời<br>điểm<br>giao<br>dịch<br><i>Time of<br/>transaction</i> | Số<br>lượng,<br>tỷ lệ<br>nắm giữ<br>cổ phiếu<br>sau khi<br>giao<br>dịch/<br><i>Number,<br/>ownership<br/>proporti<br/>on of<br/>shares/f<br/>und<br/>certifica<br/>tes hold<br/>after the<br/>transaction</i> | Gh<br>i<br>ch<br>ú<br>N<br>ote |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|                    |                                                                          |                                                                                       |                                                                         |                                                                                                                                         |                              |                                                                                                                                                                                    |                                                                |                                                                                                                                                                                                               |                                |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the company and other objects: N/A*

- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting). N/A*
- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO). N/A*
- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO). N/A*

**VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm 2019)/ Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)**

**1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ List of internal persons and their affiliated persons: (Xin xem file gửi kèm. )**

| Stt No. | Họ tên Name                                                     | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue | Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Ghi chú Note |
|---------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1       | (Tên người nội bộ/ Name of internal person)                     |                                                                              |                                                               |                                                                                          |                         |                                                                            |                                                                                      |              |
|         | Tên người có liên quan của người nội bộ/ Name affiliated person |                                                                              |                                                               |                                                                                          |                         |                                                                            |                                                                                      |              |
| 2       | ...                                                             |                                                                              |                                                               |                                                                                          |                         |                                                                            |                                                                                      |              |

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company – N/A**

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch Transaction executor | Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal person | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period |                  | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period |                  | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...) |
|---------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                                                |                                                            | Số cổ phiếu Number of shares                                                    | Tỷ lệ Percentage | Số cổ phiếu Number of shares                                               | Tỷ lệ Percentage |                                                                                                                       |
|         |                                                |                                                            |                                                                                 |                  |                                                                            |                  |                                                                                                                       |

**VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues**

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**CHAIRMAN OF THE BOD**  
(Ký tên và đóng dấu)  
(Sign and seal)



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text "M.S.D.N: 0100107772 - C.T. Q. HAI BA TRUNG - TP. HÀ NỘI". The inner circle contains the text "CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL". A blue ink signature is written across the center of the stamp.

**TS. Bùi Duy Chính**



DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân <i>Name of<br/>organizati<br/>on/individual</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan <i>Time<br/>of starting to be<br/>affiliated person</i> | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan <i>Time of<br/>ending to be<br/>affiliated person</i> | Lý do <i>Reasons</i>      |
|----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1              | Bùi Duy Chính                                                          | Chủ tịch HĐQT                                                                   |                                                                                                       |                                                                                                          |                           |
| 1.1            | Đoàn Bích Hồng                                                         |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Chủ tịch<br>HĐQT |
| 1.2            | Bùi Phương Thảo                                                        |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Chủ tịch<br>HĐQT |
| 1.3            | Bùi Duy Anh                                                            |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Chủ tịch<br>HĐQT |
| 1.4            | Bùi Công Trùng                                                         |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Chủ tịch<br>HĐQT |
| 1.5            | Bùi Hồng Thịnh                                                         |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Chủ tịch<br>HĐQT |
| 1.6            | Bùi Hồng Việt                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Chủ tịch<br>HĐQT |
| 1.7            | Bùi Duy Hùng                                                           |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Chủ tịch<br>HĐQT |
| 1.8            | Bùi Hải Yến                                                            |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Chủ tịch<br>HĐQT |
| 2              | Mai Tiến Dũng                                                          | Ủy viên HĐQT,<br>Tổng giám đốc                                                  |                                                                                                       |                                                                                                          |                           |
| 2.1            | Lê Thị Hương Giang                                                     |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Tổng<br>giám đốc |
| 2.2            | Mai Trúc Quỳnh                                                         |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Tổng<br>giám đốc |
| 2.3            | Mai Sĩ Tuấn                                                            |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Tổng<br>giám đốc |
| 2.4            | Mai Trọng Đức                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Tổng<br>giám đốc |
| 3              | Phan Văn Hùng                                                          | Tổng giám đốc, Người<br>CBTT                                                    |                                                                                                       |                                                                                                          |                           |
| 3.1            | Phan Văn Thiêm                                                         |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT  |
| 3.2            | Trần Thị Xuân                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT  |
| 3.3            | Trương Thị Mai Hoa                                                     |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT  |
| 3.4            | Phan Tùng Sơn                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT  |
| 3.5            | Phan Tùng Hưng                                                         |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT  |



| ST<br>T<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân <i>Name of<br/>organizati<br/>on/individual</i> | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan <i>Time<br/>of starting to be<br/>affiliated person</i> | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan <i>Time of<br/>ending to be<br/>affiliated person</i> | Lý do <i>Reasons</i>       |
|----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 3.6            | Phan Văn Hải                                                           |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 4              | Dương Thanh Huyền                                                      | Ủy viên HĐQT                                                                    |                                                                                                       |                                                                                                          |                            |
| 4.1            | Dương Trung Quốc                                                       |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 4.2            | Nguyễn Thị Thu Hằng                                                    |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 4.3            | Phạm Thành Đô                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 4.4            | Dương Thu Nga                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 5              | Nguyễn Thanh Hương                                                     | Ủy viên HĐQT                                                                    |                                                                                                       |                                                                                                          |                            |
| 5.1            | Nguyễn Thọ Luyện                                                       |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 5.2            | Phạm Thị Thanh                                                         |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 5.3            | Vũ Quang Tùng                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 5.4            | Vũ Đức An                                                              |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 5.5            | Vũ Bảo Hân                                                             |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 5.6            | Nguyễn Thọ Linh                                                        |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Ủy viên<br>HĐQT   |
| 6              | Lưu Ngọc Hiền                                                          | Kế toán trưởng                                                                  |                                                                                                       |                                                                                                          |                            |
| 6.1            | Vũ Minh Nguyệt                                                         |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Kế toán<br>trưởng |
| 6.2            | Lưu Ngọc Hiệp                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Kế toán<br>trưởng |
| 6.3            | Lưu Minh Châu                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Kế toán<br>trưởng |
| 6.4            | Lưu Thị Thìn                                                           |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Kế toán<br>trưởng |
| 6.5            | Lưu Thị Tuất                                                           |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Kế toán<br>trưởng |
| 6.6            | Lưu Thị Hoà                                                            |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Kế toán<br>trưởng |
| 7              | Nguyễn Thị Thủy<br>Ngân                                                | Trưởng BKS                                                                      |                                                                                                       |                                                                                                          |                            |
| 7.1            | Nguyễn Đức Hợp                                                         |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Trưởng<br>BKS     |
| 7.2            | Lê Thị Nguyên                                                          |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Trưởng<br>BKS     |
| 7.3            | Phạm Văn Hào                                                           |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Trưởng<br>BKS     |

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân <i>Name of<br/>organization/individual</i>    | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) <i>Position at<br/>the company (if<br/>any)</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan <i>Time<br/>of starting to be<br/>affiliated person</i> | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan <i>Time of<br/>ending to be<br/>affiliated person</i> | Lý do <i>Reasons</i>   |
|----------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 7.4            | Nguyễn Thị Thùy<br>Nga                                               |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của Trưởng<br>BKS |
| 8              | Nguyễn Quốc Minh                                                     | TV BKS                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                          |                        |
| 8.1            | Hoàng Thị Nga                                                        |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 8.2            | Hoàng Thị<br>Hương Giang                                             |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 8.3            | Nguyễn Hoàng<br>Hương Dung                                           |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 8.4            | Nguyễn Hoàng Hà                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 8.5            | Nguyễn Hồng Quang                                                    |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 8.6            | Nguyễn Quốc Bình                                                     |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 8.7            | Nguyễn Hoàng An                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 9              | Nguyễn Trung Hiếu                                                    | TV BKS                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                          |                        |
| 9.1            | Nguyễn Tiến Thỏa                                                     |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 9.2            | Nguyễn Thị Vui                                                       |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 9.3            | Đặng Sơn<br>Nguyệt Thảo                                              |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 9.4            | Nguyễn Sơn Tùng                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 9.5            | Nguyễn Đăng Anh                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 9.6            | Nguyễn Trung Thành                                                   |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 9.7            | Nguyễn Tùng Nghĩa                                                    |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 9.8            | Công ty TNHH MTV<br>Khai thác và chế biến<br>đá An Giang             |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |
| 9.9            | Công ty CP Thương<br>mại du lịch và Dịch<br>vụ tổng hợp Điện<br>Biên |                                                                                 |                                                                                                       |                                                                                                          | NCLQ của TV BKS        |







DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

| STT | Tên cổ đông        | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)                   | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------|--------------------|--------------------------|---------|
| 1   | Bùi Duy Chính      | Chủ tịch HĐQT                                     | 423.520            | 4,034%                   |         |
| 1.1 | Đoàn Bích Hồng     |                                                   | 0                  |                          |         |
| 1.2 | Bùi Phương Thảo    |                                                   | 0                  |                          |         |
| 1.3 | Bùi Duy Anh        |                                                   | 0                  |                          |         |
| 1.4 | Bùi Công Trùng     |                                                   | 0                  |                          |         |
| 1.5 | Bùi Hồng Thịnh     |                                                   | 0                  |                          |         |
| 1.6 | Bùi Hồng Việt      |                                                   | 0                  |                          |         |
| 1.7 | Bùi Duy Hùng       |                                                   | 0                  |                          |         |
| 1.8 | Bùi Hải Yến        |                                                   | 0                  |                          |         |
| 2   | Mai Tiến Dũng      | Ủy viên HĐQT,<br>Tổng giám đốc                    | 22.933             | 0,218%                   |         |
| 2.1 | Lê Thị Hương Giang |                                                   | 0                  |                          |         |
| 2.2 | Mai Trúc Quỳnh     |                                                   | 0                  |                          |         |
| 2.3 | Mai Sĩ Tuấn        |                                                   | 0                  |                          |         |
| 2.4 | Mai Trọng Đức      |                                                   | 0                  |                          |         |
| 3   | Phan Văn Hùng      | Ủy viên HĐQT, Phó<br>Tổng giám đốc, Người<br>CBTT | 10.960             | 0,104%                   |         |
| 3.1 | Phan Văn Thiêm     |                                                   | 0                  |                          |         |
| 3.2 | Trần Thị Xuân      |                                                   | 0                  |                          |         |
| 3.3 | Trương Thị Mai Hoa |                                                   | 0                  |                          |         |
| 3.4 | Phan Tùng Sơn      |                                                   | 0                  |                          |         |
| 3.5 | Phan Tùng Hưng     |                                                   | 0                  |                          |         |



| STT | Tên cổ đông             | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu | Ghi chú |
|-----|-------------------------|---------------------------------|--------------------|--------------------------|---------|
| 3.6 | Phan Văn Hải            |                                 | 0                  |                          |         |
| 4   | Dương Thanh Huyền       | Ủy viên HĐQT                    | 0                  |                          |         |
| 4.1 | Dương Trung Quốc        |                                 | 0                  |                          |         |
| 4.2 | Nguyễn Thị Thu Hằng     |                                 | 144.900            | 1,380%                   |         |
| 4.3 | Phạm Thành Đô           |                                 | 0                  |                          |         |
| 4.4 | Dương Thu Nga           |                                 | 0                  |                          |         |
| 5   | Nguyễn Thanh Hương      | Ủy viên HĐQT                    | 0                  |                          |         |
| 5.1 | Nguyễn Thọ Luyện        |                                 | 0                  |                          |         |
| 5.2 | Phạm Thị Thanh          |                                 | 0                  |                          |         |
| 5.3 | Vũ Quang Tùng           |                                 | 0                  |                          |         |
| 5.4 | Vũ Đức An               |                                 | 0                  |                          |         |
| 5.5 | Vũ Bảo Hân              |                                 | 0                  |                          |         |
| 5.6 | Nguyễn Thọ Linh         |                                 | 0                  |                          |         |
| 6   | Lưu Ngọc Hiền           | Kế toán trưởng                  | 42.520             | 0,405%                   |         |
| 6.1 | Vũ Minh Nguyệt          |                                 | 0                  |                          |         |
| 6.2 | Lưu Ngọc Hiệp           |                                 | 0                  |                          |         |
| 6.3 | Lưu Minh Châu           |                                 | 0                  |                          |         |
| 6.4 | Lưu Thị Thìn            |                                 | 0                  |                          |         |
| 6.5 | Lưu Thị Tuất            |                                 | 0                  |                          |         |
| 6.6 | Lưu Thị Hoà             |                                 | 0                  |                          |         |
| 7   | Nguyễn Thị Thủy<br>Ngân | Trưởng BKS                      | 0                  |                          |         |
| 7.1 | Nguyễn Đức Hợp          |                                 | 0                  |                          |         |
| 7.2 | Lê Thị Nguyên           |                                 | 0                  |                          |         |

| STT | Tên cổ đông                                                       | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu | Ghi chú                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------|--------------------------|-----------------------------|
| 7.3 | Phạm Văn Hảo                                                      |                                 | 0                  |                          |                             |
| 7.4 | Nguyễn Thị Thùy Nga                                               |                                 | 0                  |                          |                             |
| 8   | Nguyễn Quốc Minh                                                  | TV BKS                          | 0                  |                          |                             |
| 8.1 | Hoàng Thị Nga                                                     |                                 | 0                  |                          |                             |
| 8.2 | Hoàng Thị<br>Hương Giang                                          |                                 | 0                  |                          |                             |
| 8.3 | Nguyễn Hoàng Hương<br>Dung                                        |                                 | 0                  |                          |                             |
| 8.4 | Nguyễn Hoàng Hà                                                   |                                 | 0                  |                          |                             |
| 8.5 | Nguyễn Hồng Quang                                                 |                                 | 0                  |                          |                             |
| 8.6 | Nguyễn Quốc Bình                                                  |                                 | 0                  |                          |                             |
| 8.7 | Nguyễn Hoàng An                                                   |                                 | 0                  |                          |                             |
| 9   | Nguyễn Trung Hiếu                                                 | TV BKS                          | 0                  |                          |                             |
| 9.1 | Nguyễn Tiến Thòa                                                  |                                 | 0                  |                          |                             |
| 9.2 | Nguyễn Thị Vui                                                    |                                 | 0                  |                          |                             |
| 9.3 | Đặng Sơn<br>Nguyệt Thảo                                           |                                 | 0                  |                          |                             |
| 9.4 | Nguyễn Sơn Tùng                                                   |                                 | 0                  |                          |                             |
| 9.5 | Nguyễn Đăng Anh                                                   |                                 | 0                  |                          |                             |
| 9.6 | Nguyễn Trung Thành                                                |                                 | 0                  |                          |                             |
| 9.7 | Nguyễn Tùng Nghĩa                                                 |                                 | 0                  |                          |                             |
| 9.8 | Công ty TNHH MTV<br>Khai thác và chế biến<br>đá An Giang          |                                 | 0                  |                          | Kiểm soát viên              |
| 9.9 | Công ty CP Thương<br>mại du lịch và Dịch vụ<br>tổng hợp Điện Biên |                                 | 0                  |                          | Là thành viên Ban kiểm soát |



